TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm 7, xã VT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Thế T2 - sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn L1, xã LS, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị T1 trình bày:

Chị và anh Hoàng Thế T2 kết hôn với nhau trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 26/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn L1, xã LS, huyện Thanh Liêm. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh

phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 nghiện ngập ma túy, chơi bời lêu lổng, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh T2 tập trung vào làm ăn để lo xây dựng kinh tế gia đình, nhưng anh T2 không nghe mà còn thường xuyên chửi bới xúc phạm chị, nên làm tình cảm của vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Do không chịu đựng được cách sống của anh T2, nên chị đã bế theo con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7, xã VT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên sinh sống từ tháng 02/2012. Từ đó cho đến nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được chính quyền, đoàn thể địa phương tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng các lần hòa giải anh T2 đều vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T2 đã hết, cuộc sống chung không kéo dài được nữa; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Thế T2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc B - sinh ngày 25/3/2010; hiện tại cháu B đang được chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2018, bị đơn Hoàng Thế T2 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LS ngày 26/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, trái ngược nhau về nhận thức trong cuộc sống. Ngoài ra, do anh đi làm ăn xa, nên tình cảm vợ chồng ít gắn bó và rạn nứt, phai nhạt. Khoảng đầu năm 2012, chị T1 bế con về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7, xã VT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên sinh sống; kể từ đó anh chị sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị T1 làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T1 trình bày; hiện tại cháu B đang được chị T1 nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu chị T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/tháng. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Hoàng Thế T2. Giao con chung của chị

T1 và anh T2 là cháu Hoàng Ngọc B cho chị Nguyễn Thị T1 nuôi dưỡng; anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Hoàng Thế T2 hiện đang cư trú tại xã LS, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 277 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Hoàng Thế T2 là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính cách không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và do anh T2 chơi bời, mắc tệ nạn xã hội nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên nhủ, chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh T2 vắng mặt, nên hòa giải không thành.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T1 xin ly hôn anh T2 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc B - sinh ngày 25/3/2010. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của anh chị hiện còn nhỏ, hiện nay đang được chị T1 nuôi dưỡng; cuộc sống và việc học tập của cháu ổn định nhiều năm nay. Bản thân cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với chị T1. Anh T2 không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, lại thường xuyên đi làm ăn xa, nên việc chăm sóc con chung là rất khó khăn. Vì vậy, nên giao con chung của vợ chồng cho chị T1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu B. Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Hoàng Thế T2 đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Hoàng Thế T2.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Ngọc B - sinh ngày 25/3/2010 cho chị Nguyễn Thị T1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; anh Hoàng Thế T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04315 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã LS, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Xuân Cảnh